

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HSST
Ngày 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cái Thị Duyên.

Nghề nghiệp: Công chức.

Nơi công tác: Phòng văn hóa và thông tin thị xã Hương Thủy.

2. Ông Trần Văn Cường.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly – Công chức Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thúc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu H, giới tính: Nam, sinh ngày 27/9/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: Số nhà 40/263 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1956; Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người giám hộ của bị cáo: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1956; trú tại: Số nhà 40/263 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là mẹ đẻ của bị cáo H. Bà Q có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hồ Ngọc L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bị hại: Ông Trần Đ, sinh năm 1941 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Trần Đ có:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 08, phường Thủy P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Ông Trần Văn A, sinh năm 1974; trú tại: Tổ 08, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Ông Trần Văn S, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 08, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Bà Trần Thị C (Trần Thị Thu H), sinh năm 1978; trú tại: Tổ 03, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Ông Trần Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 08, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn S. Địa chỉ: 24C P, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chuyên viên pháp lý tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2017). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Hữu H bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/9/2016, Nguyễn Hữu H không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F1- 449.01, dung tích xi lanh 110cm³ (Xe của H) lưu thông trên đường Quốc lộ 1A theo hướng thành phố Huế - Phú Lộc với tốc độ khoảng 40Km/h - 45Km/h (Theo lời khai của H). Khi đến vị trí Km831+550 Quốc lộ 1A thuộc phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đoạn đường này được rải nhựa phẳng, rộng 16 mét chia thành hai chiều xe chạy bởi dải phân cách cố định, mỗi chiều rộng 08 mét; mỗi chiều được chia thành hai làn xe chạy bởi vạch kẻ ngắt quãng, mỗi làn đường rộng 4 mét. Lúc này, H phát hiện phía trước cách khoảng 20 mét -30 mét có ông Trần Đ đang điều khiển xe đạp đi sát dải phân cách (đang đi ngược chiều). Do không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (Có thể dừng lại một cách an toàn) khi đi đến đoạn đường có biển báo nguy hiểm “Đường cong sang phải” nên H không xử lý kịp đã tông vào xe đạp của ông Trần Đ gây tai nạn.

Hậu quả: Ông Trần Đ bị thương được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Trung ương Huế, đến ngày 05/10/2016 thì chết.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 252-16/TT ngày 20/10/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận nguyên nhân chết của ông Trần Đ là sốc mất máu không hồi phục do tai nạn giao thông.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 194/KLGĐTC ngày 17/4/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền trung, kết luận đối với Nguyễn Hữu H như sau:

Tại thời điểm gây tai nạn:

+ Về mặt y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70).

+ Về mặt pháp luật: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại thời điểm hiện tại:

+ Về mặt y học: Chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70).

+ Về mặt pháp luật: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/HĐ-ĐG ngày 03/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, kết luận: Xe mô tô BKS 75F1-449.01 bị thiệt hại trị giá 350.000đ; xe đạp bị thiệt hại trị giá 100.000đ.

Tại bản cáo trạng số 55/QĐ/KSĐT ngày 16/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo H phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Trần Đ số tiền 57.271.600đ tương ứng với 60% của số tiền theo yêu cầu của những người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại xe mô tô 75F1-449.01 cho bị cáo H.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản bồi thường chi phí mai táng, chi phí cứu chữa, chi phí mất thu nhập của người bị hại. Riêng tiền mất thu nhập của người chăm sóc, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tiền công chăm sóc của một người. Đối với khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần đề nghị chấp nhận 20 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ ngày 06/9/2016, Nguyễn Hữu H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F1-449.01, dung tích xi lanh 110cm³, lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng thành phố Huế - Phú Lộc. Khi đến vị trí Km831+550 Quốc lộ 1A thuộc phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tông vào xe đạp do ông Trần Đ đang điều khiển đi ngược chiều, sát giải phân cách gây tai nạn. Hậu quả, ông Trần Đ chết và xe đạp bị hư hỏng thiệt hại 100.000đ.

Xét nguyên nhân và lỗi xảy ra vụ tai nạn giao thông, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo H điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 110cm³ nhưng bị cáo không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định tại điểm a khoản 2

Điều 59 Luật giao thông đường bộ nên đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ. Khi điều khiển xe qua đoạn đường có biển báo nguy hiểm “Đường cong sang phải” nhưng không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm (Có thể dừng lại một cách an toàn) đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải quy định “Về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ”.

Đối với người bị hại, điều khiển xe đạp chở phía sau là chổi quét, công kênh, đi không đúng phần đường, đi ngược chiều và không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ tại đoạn đường có biển báo “Cấm đi ngược chiều”, đã vi phạm các Điều 9, Điều 11 Luật giao thông đường bộ.

Như vậy, vụ tai nạn xảy ra do lỗi hỗn hợp của bị cáo và người bị hại. Trong đó lỗi chủ yếu thuộc về bị cáo Nguyễn Hữu H.

Với hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ và hậu quả làm chết 01 người, bị cáo Nguyễn Hữu H đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 55/QĐ/KSĐT ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố đối với Nguyễn Hữu H là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng của người khác, xâm phạm trật tự, an toàn công cộng nên cần phải xét xử nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu H không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo và gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại 2.000.000đ; Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có một phần lỗi. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại các điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất lỗi, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Đồng thời, xét bị cáo đang bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; có nơi cư trú rõ ràng, có người giám hộ nên cần áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền sau:

- + Tiền chi phí cứu chữa: 32.126.000đ.
- + Chi phí mai táng: 14.100.000đ.
- + Chi phí mất thu nhập của người chăm sóc tại bệnh viện 30 ngày (01 ngày 02 người). Cụ thể: 150.000đ x 30 ngày x 02 người = 9.000.000đ.
- + Thu nhập bị mất của người bị hại (150.000đ x 30 ngày) = 4.500.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: $36 \text{ tháng} \times 1.210.000\text{đ} = 43.560.000\text{đ}$ (Đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu tính mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xảy ra thiệt hại là 1.210.000đ).

Tổng cộng: 103.286.000đ.

Xét thấy, các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại và mức yêu cầu bồi thường của người bị hại về tiền chi phí cứu chữa, chi phí mai tang, thu nhập bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị, là các khoản chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình ở địa phương tại thời điểm chi phí, có chứng từ hợp lệ theo quy định tại mục 1, 2 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận tiền tổn thất tinh thần bằng 20 tháng tiền lương tối thiểu. Tuy nhiên, đối với chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của 02 người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian người bị hại điều trị tại bệnh viện là chưa hợp lý, không phù hợp thực tế nên Hội đồng xét xử xét chỉ chấp nhận phần thu nhập thực tế bị mất của 01 người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là $150.000\text{đ} \times 30 \text{ ngày} \times 01 \text{ người} = 4.500.000\text{đ}$. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 98.786.000đ.

Tuy nhiên, xét do lỗi vô ý mà gây thiệt hại, mức độ lỗi hỗn hợp, người bị hại cũng có lỗi, đồng thời xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của bị cáo và người giám hộ nên Hội đồng xét xử xét cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của người bị hại 60% số tiền bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại là phù hợp. Tương ứng với số tiền 98.786.000đ $\times 60\% = 59.271.600\text{đ}$. Bị cáo đã bồi hường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 2.000.000đ. Nay bị cáo Nguyễn Hữu H còn phải bồi thường thêm số tiền 57.271.600đ.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại xe đạp cho đại diện hợp pháp của người bị hại. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 75F1-449.01 thuộc sở hữu của bị cáo H mua vào năm 2016. Tuy nhiên, bị cáo H đã ký kết hợp đồng vay tín dụng với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SaiGon và đã thế chấp xe mô tô 75F1-449.01 để vay vốn trước khi vụ án xảy ra. Hiện nay bị cáo chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tiếp tục tạm giữ xe mô tô 75F1- 449.01 để đảm bảo thi hành án về nghĩa vụ bồi thường dân sự trong vụ án mà trả lại xe cho bị H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự: Bị cáo H thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự cho bị cáo Hoàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 02 (Hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu H cho Ủy ban nhân dân phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 605, 606, 610 Bộ luật dân sự năm 2005; Mục 1, 2 Phần I và phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 57.271.600đ (Năm mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm đồng). Ông Trần Văn S đại diện những người đại diện hợp pháp của người bị hại nhận số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền bồi thường thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu H 01 xe mô tô biển kiểm soát 75F1-449.01. Xe mô tô này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thủy với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hữu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người giám hộ của bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- Công an TX. Hương Thủy;
- Nhà tạm giữ CA TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Phan Thị Xuân Huế

